

**Công ty Cổ phần Tập đoàn  
Khoáng sản Á Cường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**

**Trụ sở chính: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang**

**Điện thoại: 0240 222 6669**

**Fax:**

**Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Thị Thu Hiền**

**Địa chỉ: Số 28/48 Phố Thọ Lão, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**

**Điện thoại ( di động , cơ quan , nhà riêng ): 098 440 3388**

**Fax:**

**Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)**

**Nội dung thông tin công bố : Công bố Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho năm tài chính 2015**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Người thực hiện công bố thông tin**

(Ký ghi rõ họ tên)



**VŨ THỊ THU HIỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC  
KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN  
Á CƯỜNG**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	<b>Trang</b>
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
3.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
3.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
3.3 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
3.4 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

*Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.*

## 1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 048157 lần đầu ngày 15/02/1996, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015. Doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 16/9/2011.

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

**Hoạt động chính của Công ty:** Khai thác than, chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

**Mã chứng khoán niêm yết:** ACM.

**Trụ sở chính:** Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015 của Công ty là: **560.000.000.000** đồng (*Năm trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn*).

Cơ cấu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường bao gồm:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường có trụ sở tại thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang có trụ sở tại thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang: Chi nhánh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh với mã số là 0100511368-004, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/3/2014;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân có trụ sở tại thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang: Chi nhánh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh với mã số là 0100511368-005, đăng ký lần đầu ngày 22/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2012.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Hà Nội có trụ sở tại 136F Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Văn phòng đại diện được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện với mã số là 0100511368-006, đăng ký lần đầu ngày 23/11/2015.

## 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2015 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo, được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

## 3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và tới ngày lập báo cáo này gồm:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

### 3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty (tiếp theo)

#### Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 02/3/2015
	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Bà Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên	
Bà Phạm Thị Nhân Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 02/3/2015

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Doan	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Bà Đinh Thị Ngọc San	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 02/3/2015

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Bà Vũ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

### 4. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

---

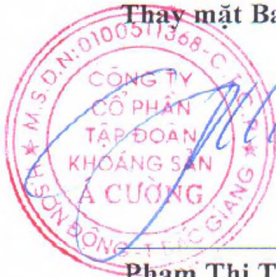
### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2016

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phạm Thị Thúy Hạnh**  
Tổng Giám đốc



Số: 150831/BCKTTH - AISHN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường, được lập ngày 15/3/2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Vấn đề khác:*

Tại thời điểm 31/12/2015, Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty là **510.000.000.000 đồng** chưa phù hợp với Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là **560.000.000.000 đồng**.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &  
DỊCH VỤ TÍN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Phó Giám đốc

**Kiểm toán viên**

**Vũ Khánh Linh**

Số giấy CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp



**Vũ Khắc Chuyên**

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>178.606.525.593</b>	<b>128.735.355.468</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.016.578.792</b>	<b>3.225.987.873</b>
1. Tiền	111		3.016.578.792	3.225.987.873
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>117.216.238.835</b>	<b>103.628.088.287</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	103.630.867.050	73.621.343.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.184.863.777	9.147.424.845
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.764.508.008	23.200.000.000
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.3	(364.000.000)	(2.340.679.688)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>56.780.801.396</b>	<b>20.027.151.969</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	56.780.801.396	20.027.151.969
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.592.906.570</b>	<b>1.854.127.339</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	82.658.708	498.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.493.543.457	1.845.360.081
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	16.704.405	8.268.925
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>476.115.874.935</b>	<b>95.786.808.013</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>83.400.000.000</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	83.400.000.000	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>287.919.943.959</b>	<b>66.072.430.877</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	287.919.943.959	66.072.430.877
<i>Nguyên giá</i>	222		316.727.787.903	75.260.333.358
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.807.843.944)	(9.187.902.481)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>54.033.419.726</b>	<b>14.675.064.198</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	54.033.419.726	14.675.064.198
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10a	50.000.000.000	0
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10b	0	15.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>762.511.250</b>	<b>39.312.938</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	762.511.250	39.312.938
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>654.722.400.528</b>	<b>224.522.163.481</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>97.807.701.313</b>	<b>97.355.428.785</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.173.547.850</b>	<b>62.833.260.386</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.961.488.204	2.586.706.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	0	1.180.000.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	5.798.302.320	6.968.400.858
4. Phải trả người lao động	314		874.479.693	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		11.929.888	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	170.549.212	0
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	36.356.798.533	52.098.152.063
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.634.153.463</b>	<b>34.522.168.399</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	47.634.153.463	34.522.168.399
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>556.914.699.215</b>	<b>127.166.734.696</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>556.914.699.215</b>	<b>127.166.734.696</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	120.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.914.699.215	7.166.734.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.166.734.696	(4.669.792.407)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45.747.964.519	11.836.527.103
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>654.722.400.528</b>	<b>224.522.163.481</b>

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngọc San

Vũ Thị Thu Hiền

Phạm Thị Thúy Hạnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng đầy đủ)

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	276.468.040.028	86.118.427.480
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.2</b>	<b>276.468.040.028</b>	<b>86.118.427.480</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	215.230.248.193	60.570.353.615
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>61.237.791.835</b>	<b>25.548.073.865</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.189.568	925.969
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.157.304.026	9.145.163.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.157.304.026	9.145.163.035
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.329.164.105	4.373.004.510
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>50.752.513.272</b>	<b>12.030.832.289</b>
9. Thu nhập khác	31		1.796.791	90.428.729
10. Chi phí khác	32		5.006.345.544	284.733.915
<b>11. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(5.004.548.753)</b>	<b>(194.305.186)</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>45.747.964.519</b>	<b>11.836.527.103</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	0	0
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>45.747.964.519</b>	<b>11.836.527.103</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	950,12	986,40
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	950,12	

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngọc San

Vũ Thị Thu Hiền

Phạm Thị Thúy Hạnh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Dạng đầy đủ)  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	223.161.504.330	90.748.886.321
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(201.988.178.932)	(49.824.306.141)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.008.976.454)	(6.215.757.693)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(9.148.873.467)	(1.411.898.018)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(76.639.420)	(3.830.698)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.451.958.433	23.522.673.908
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.556.409.980)	(43.679.287.695)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.834.384.510</b>	<b>13.136.479.984</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(39.050.346.293)	(2.508.000.000)
2.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(170.700.000.000)	(15.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	46.334.731.600	0
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.189.568	925.969
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(163.414.425.125)</b>	<b>(17.507.074.031)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000.000	0
2.	Tiền thu từ đi vay	33	9.913.808.467	40.341.419.143
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.543.176.933)	(35.392.314.021)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000.000)	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>141.370.631.534</b>	<b>4.949.105.122</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(209.409.081)</b>	<b>578.511.375</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.225.987.873</b>	<b>2.647.476.498</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.016.578.792</b>	<b>3.225.987.873</b>

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngọc San

Vũ Thị Thu Hiền



Phạm Thị Thúy Hạnh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 048157 lần đầu ngày 15/02/1996, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015. Doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 16/9/2011.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015 của Công ty là: **560.000.000.000** đồng (Năm trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).

#### **2- Lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là khai thác than, chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

#### **3- Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng, và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại.

#### **4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại như trình bày tại **Thuyết minh số VIII.4** theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1- Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**2- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **2- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư:**

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Riêng khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

### **3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc “*Sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

### **4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Phương pháp bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**5- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình mua sắm**

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

**Tài sản cố định hữu hình do góp vốn**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**7- Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

**BCC phân chia lợi nhuận**

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ; Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

**9- Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

**10- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí phải trả về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm.

**12- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán. Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 20121000046 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang lần đầu ngày 06/11/2007, thay đổi lần thứ 01 ngày 25/9/2012 về việc đầu tư Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm tại xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang thì dự án của Công ty thuộc phụ lục A - danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và phụ lục B - danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư; ngoài ra theo quy định đối với hoạt động đầu tư có lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất Văn phòng Công ty sẽ được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập. Dự án đã hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động vào tháng 3/2013, tuy nhiên trong năm 2013 Công ty được chuyển lỗ từ các năm trước nên không có thu nhập tính thuế. Vì vậy, Văn phòng Công ty thực hiện áp dụng miễn Thuế TNDN trong 02 năm 2014 và 2015; giảm thuế TNDN trong 03 năm tiếp theo.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang không được ưu đãi thuế TDNN như trên.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**17- Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **17- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

#### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### **18- Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### **19- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là 10%.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

**1- Tiền**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>Tiền</b>	<b>3.016.578.792</b>	<b>3.225.987.873</b>
Tiền mặt tại quỹ	3.001.597.000	3.159.187.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	14.981.792	66.800.373
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.016.578.792</u></b>	<b><u>3.225.987.873</u></b>

**(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	3.282.020	5.040.610
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hoàn Kiếm - PGD Tây Sơn	56.244	1.020.635
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hà Nội - PGD Hà Thành	1.219.457	1.594.939
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ - PGD Nguyễn Biểu	0	3.110.936
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Nam Hà Nội	1.987.448	4.130.165
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Thanh Xuân - PGD Phùng Hưng	132.261	0
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội - PGD Bà Triệu	1.840.038	0
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thăng Long - PGD Đống Đa	1.290.769	0
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành - PGD Hoàng Mai	1.039.100	0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội - PGD Thụy Khuê	983.229	0
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Sơn Động, Bắc Giang	1.061.994	44.642.573
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - CN Hà Nội	392.021	2.093.624
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	1.697.211	5.166.891
<b>Cộng</b>	<b><u>14.981.792</u></b>	<b><u>66.800.373</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Phải thu của khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Cảnh Phong	29.988.155.000	0	31.634.165.000	0
Công ty TNHH Kim Loại màu Vũ Gia	41.343.150.000	0	4.125.000.000	0
Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	0	0	10.175.055.000	0
Công ty TNHH Một Thành Viên Thịnh Vượng	0	0	3.824.814.840	0
Công ty TNHH Lê Giang	32.299.562.050	0	11.128.400.000	0
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	0	0	5.788.049.931	0
Phải thu các đối tượng khác	0	0	6.945.858.359	0
<b>Cộng</b>	<b>103.630.867.050</b>	<b>0</b>	<b>73.621.343.130</b>	<b>0</b>
b- Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	0	0	5.788.049.931	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.788.049.931</b>	<b>0</b>

**3- Trả trước cho người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Linh Bảo Hòa Bình	0	0	4.340.679.688	2.340.679.688
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Hằng	0	0	2.350.972.000	0
Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	2.129.690.400	0	0	0
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Bắc Giang	500.000.000	0	0	0
Công ty CP ĐT TM & PT Nhất Long	600.000.000	0	0	0
Liên đoàn địa chất Tây Bắc	520.000.000	364.000.000	520.000.000	0
Trả trước cho các đối tượng khác	435.173.377	0	1.935.773.157	0
<b>Cộng</b>	<b>4.184.863.777</b>	<b>364.000.000</b>	<b>9.147.424.845</b>	<b>2.340.679.688</b>

**4- Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Trịnh Thị Thu Hà (i)	5.964.835.000	0	0	0
Tạm ứng	3.751.820.958	0	23.200.000.000	0
Ông Nguyễn Xuân Thanh (ii)	3.751.820.958	0	0	0
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	0	0	23.200.000.000	0
Phải thu khác	47.852.050	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>9.764.508.008</b>	<b>0</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>0</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4- Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)**

- (i): Giá trị phải thu khác Bà Trịnh Thị Thu Hà tương ứng với phần giá trị còn phải thu hồi theo Biên bản hủy hợp đồng số 0804/BBHCNCP ngày 08/4/2015 giữa Công ty và Bà Hà về việc trả lại toàn bộ giá trị chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Lê Giang.
- (ii): Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Xuân Thanh - Chủ tịch Công ty thực hiện làm thủ tục khai thác mỏ Tà Sỏi thuộc dự án hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đô Linh.

**5- Nợ xấu**

	31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	520.000.000	156.000.000
<i>Liên đoàn địa chất Tây Bắc</i>	<i>520.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>520.000.000</b>	<b>156.000.000</b>

**6- Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.332.545.712	0	6.996.312.911	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.914.402.185	0	5.911.288.998	0
Thành phẩm	11.533.853.499	0	6.515.279.900	0
Hàng hóa	0	0	604.270.160	0
<b>Cộng</b>	<b>56.780.801.396</b>	<b>0</b>	<b>20.027.151.969</b>	<b>0</b>

**7- Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Công nghiệp Khai Khoáng (i)	40.000.000.000	0	0	0
Công ty Cổ phần Đô Linh (ii)	43.400.000.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>83.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(i): Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0501/2015/ACM-KK.HTKD ngày 05/01/2015 ký giữa Công ty (bên đi góp vốn) và Công ty Cổ phần Công nghiệp khai khoáng (bên nhận vốn góp) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đá Bạc, Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình thì bên đi góp vốn thực hiện góp số tiền 40.000.000.000 đồng và sẽ nhận được 40% lợi nhuận sau thuế từ dự án nêu trên.

(ii): Theo biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa Công ty (bên đi góp vốn) và Công ty Cổ phần Đô Linh (bên nhận vốn góp) để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Tà Sỏi và đầu tư dự án xây dựng Nhà máy và chế biến quặng vàng gốc tại xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, theo đó bên đi góp vốn thực hiện góp 90% tổng mức đầu tư vào dự án khai thác và xây dựng nhà máy (trong đó tổng vốn đầu tư xây dựng nhà máy của dự án là 330.000.000.000 đồng) và sẽ nhận được 90% lợi nhuận sau thuế từ dự án nêu trên. Đến thời điểm 31/12/2015, bên đi góp vốn đã thực hiện góp số tiền 43.400.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2015	10.538.378.636	60.639.082.796	4.023.065.926	59.806.000	0	75.260.333.358
Mua trong kỳ	0	1.467.454.545	0	0	0	1.467.454.545
Tăng do góp vốn (*)	75.256.664.369	209.362.031	2.562.335.771	0	161.971.637.829	240.000.000.000
Tại ngày 31/12/2015	85.795.043.005	62.315.899.372	6.585.401.697	59.806.000	161.971.637.829	316.727.787.903
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2015	827.345.990	6.916.503.909	1.384.246.582	59.806.000	0	9.187.902.481
Khấu hao trong kỳ	3.713.640.829	6.307.967.543	864.568.300	0	8.733.764.791	19.619.941.463
Tại ngày 31/12/2015	4.540.986.819	13.224.471.452	2.248.814.882	59.806.000	8.733.764.791	28.807.843.944
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2015	9.711.032.646	53.722.578.887	2.638.819.344	0	0	66.072.430.877
Tại ngày 31/12/2015	81.254.056.186	49.091.427.920	4.336.586.815	0	153.237.873.038	287.919.943.959

(\*): Tăng do nhận tài sản góp vốn của bà Phạm Thị Thúy Hạnh tại ngày 01/02/2015 theo phương án tăng vốn điều lệ tại Quyết định số 0310/2014/ACM/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Giá trị tài sản góp vốn đã được thẩm định theo Chứng thư thẩm định giá số Vc15/01/07.00/BDS-HN ngày 19/01/2015 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam tại Hà Nội.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là: **47.429.642.236 đồng**;  
 Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2015 nhưng vẫn còn sử dụng là: **59.806.000 đồng**;

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2015 chờ thanh lý: **0 đồng**.

**9- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí xây dựng hệ thống kè, đập	4.054.036.194	2.310.680.666
Chi phí xây dựng lắp đặt "Nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"	43.442.175.000	5.827.175.000
Chi phí dự án "Đầu tư, xây dựng Nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm"	6.537.208.532	6.537.208.532
<b>Cộng</b>	<b>54.033.419.726</b>	<b>14.675.064.198</b>

**10- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (*)	50.000.000.000	0	50.000.000.000	0	0	0
b- Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (*)	0	0	0	15.000.000.000	0	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>15.000.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

(\*): Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1001/HĐCN.CP ngày 10/01/2014 ký giữa Ông Nguyễn Xuân Thanh (bên chuyển nhượng) và Công ty (bên nhận chuyển nhượng), hai bên thống nhất chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.500.000 cổ phần, giá trị tương ứng 15.000.000.000 đồng, giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần. Sau khi chuyển nhượng thì Công ty là cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường. Đến ngày 15/01/2015 hai bên tiếp tục thực hiện chuyển nhượng 3.500.000 cổ phần, giá trị tương ứng 35.000.000.000 đồng, giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1001/HĐCN.CP. Đến 31/12/2015, tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường là 25%.

**11- Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>82.658.708</b>	<b>498.333</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.873.041	498.333
Phí bảo vệ môi trường	3.000.000	0
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	63.785.667	0
<b>b- Dài hạn</b>	<b>762.511.250</b>	<b>39.312.938</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	529.177.917	39.312.938
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	233.333.333	0
<b>Cộng</b>	<b>845.169.958</b>	<b>39.811.271</b>

**12- Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đại Đồng Xuân	561.182.420	561.182.420	0	0
Công ty TNHH Quỳnh Mai	0	0	929.847.145	929.847.145
Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Thương mại An Sơn	192.000.000	192.000.000	792.000.000	792.000.000
Công ty TNHH TM & DV Sài Thành	3.761.500.000	3.761.500.000	0	0
DNTN Dương Hải Anh	721.815.558	721.815.558	0	0
Công ty TNHH Ngọc Diệp	666.871.506	666.871.506	0	0
Công ty CP Tập Đoàn Khoáng sản Tam Cường	511.500.000	511.500.000	586.218.855	586.218.855
Phải trả các đối tượng khác	546.618.720	546.618.720	278.640.685	278.640.685
<b>Cộng</b>	<b>6.961.488.204</b>	<b>6.961.488.204</b>	<b>2.586.706.685</b>	<b>2.586.706.685</b>
<b>b- Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Tập Đoàn Khoáng sản Tam Cường	511.500.000	511.500.000	586.218.855	586.218.855
<b>Cộng</b>	<b>511.500.000</b>	<b>511.500.000</b>	<b>586.218.855</b>	<b>586.218.855</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13- Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH sản xuất Cơ khí và Xây dựng Minh Quân	0	0	1.180.000.780	1.180.000.780
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.180.000.780</b>	<b>1.180.000.780</b>

**14- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
<b>a- Phải nộp</b>						
Thuế giá trị gia tăng	6.137.427.706	0	94.819.747	1.020.843.269	5.211.404.184	0
Thuế TNDN	76.639.420	0	0	76.639.420	0	0
Thuế tài nguyên CN Đồng Tân	189.719.758	0	55.212.500	0	244.932.258	0
Phí bảo vệ môi trường	514.093.524	0	207.113.600	515.787.400	205.419.724	0
Thuế TNCN	0	0	22.046.154	0	22.046.154	0
Thuế môn bài	0	0	5.000.000	5.000.000	0	0
Phí khai thác tài nguyên, phí khác	0	0	506.611.000	392.111.000	114.500.000	0
<b>Cộng</b>	<b>6.917.880.408</b>	<b>0</b>	<b>890.803.001</b>	<b>2.010.381.089</b>	<b>5.798.302.320</b>	<b>0</b>
<b>b- Phải thu</b>						
Thuế tài nguyên CN Bắc Giang	50.520.450	0	54.528.292	113.484.222	0	8.435.480
Các loại thuế khác	0	8.268.925	0	0	0	8.268.925
<b>Cộng</b>	<b>50.520.450</b>	<b>8.268.925</b>	<b>113.484.222</b>	<b>54.528.292</b>	<b>0</b>	<b>16.704.405</b>

**15- Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
Bảo hiểm xã hội	134.723.962	0
Bảo hiểm y tế	23.843.250	0
Bảo hiểm thất nghiệp	11.982.000	0
<b>Cộng</b>	<b>170.549.212</b>	<b>0</b>

**16- Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2015	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	01/01/2015	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Ngắn hạn (*)</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	36.356.798.533	36.356.798.533	27.718.672.048	40.433.339.599	49.071.466.084	49.071.466.084
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	0	0	0	3.026.685.979	3.026.685.979	3.026.685.979
<b>Cộng</b>	<b>36.356.798.533</b>	<b>36.356.798.533</b>	<b>27.718.672.048</b>	<b>43.460.025.578</b>	<b>52.098.152.063</b>	<b>52.098.152.063</b>
<b>b- Dài hạn (**)</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	47.634.153.463	47.634.153.463	36.450.235.064	23.000.000.000	34.183.918.399	34.183.918.399
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	0	0	0	338.250.000	338.250.000	338.250.000
<b>Cộng</b>	<b>47.634.153.463</b>	<b>47.634.153.463</b>	<b>36.450.235.064</b>	<b>23.338.250.000</b>	<b>34.522.168.399</b>	<b>34.522.168.399</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16- Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**(\*) Chi tiết hợp đồng vay ngắn hạn:**

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 31/12/2015
02/2013/HĐ	02/12/2013	45.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm và khai thác Than			Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	
01/2015/263 5737/HĐTD	18/12/2015	15.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ( vay ngắn hạn, mở LC và bảo lãnh thanh toán)	Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng.		Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	36.356.798.533
01/2014/263 5737/HĐTD	27/6/2014	15.697.000.000	Bù đắp phần vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và tuyển từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, Bắc Giang			từ 28/6/2014 đến 31/12/2016	

**(\*\*): Chi tiết hợp đồng vay dài hạn**

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 31/12/2015
01/2009/263 5737/HĐTD TH	24/11/2009	30.000.000.000	Thực hiện đầu tư dự án "Dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn 2 - Hòa luyện - phần thiết bị của Công ty TNHH Tam Cường".	- Thế chấp bằng toàn bộ máy móc, thiết bị được đầu tư bằng vốn tự có, vốn vay và vốn khác vào giai đoạn 2 - Hòa Luyện - Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; Số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Doanh thu từ dự án chuyển vào tiền gửi thanh toán mở tại Chi nhánh; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng.		120 tháng	
01/2013/HĐ	25/03/2013	3.700.000.000	Đầu tư dự án: Mua 05 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh			48 tháng	47.634.153.463
03/2013/HĐTD	08/11/2013	25.000.000.000	Đầu tư thực hiện dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và tuyển từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, Bắc Giang	Thế chấp, cầm cố bằng tài sản của bên vay và các tài sản được hình thành từ vốn vay; Số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Các khoản thu hợp pháp mà bên vay là người thụ hưởng		72 tháng	
02/2013/HĐ	02/12/2013	45.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm và khai thác Than			Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17- Vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>93.062.607</b>	<b>(4.762.855.014)</b>	<b>115.330.207.593</b>
Lợi nhuận năm trước	0	0	11.836.527.103	11.836.527.103
Tăng khác	0	0	93.062.607	93.062.607
Giảm khác	0	(93.062.607)	0	(93.062.607)
<b>Số dư cuối năm trước,</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>7.166.734.696</b>	<b>127.166.734.696</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>				
Tăng vốn trong năm (*)	390.000.000.000	0	0	390.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	0	0	45.747.964.519	45.747.964.519
Chia cổ tức năm trước (**)	0	0	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>46.914.699.215</b>	<b>556.914.699.215</b>

(\*): Tăng vốn trong năm theo Quyết định số 0310/2014/ACM/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty bao gồm:

- Giá trị 240.000.000.000 đồng tương ứng với giá trị tài sản góp vốn của bà Phạm Thị Thúy Hạnh tại ngày 01/02/2015. Giá trị tài sản góp vốn đã được thẩm định theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 15/01/07.00/BDS-HN ngày 19/01/2015 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam tại Hà Nội;

- Giá trị 150.000.000.000 đồng tương ứng với giá trị góp vốn bằng tiền của các chủ sở hữu: Bà Phạm Thị Thúy Hạnh (giá trị: 146.100.000.000 đồng); ông Phạm Văn Tiến (giá trị: 1.950.000.000 đồng); bà Phạm Thị Nhân Hòa (giá trị: 1.950.000.000 đồng).

Vốn điều lệ 510.000.000.000 đồng của Công ty đã được xác nhận bởi Báo cáo kiểm toán độc lập số 250/VACO/BCKT.NV2 ngày 14/7/2015 về Báo cáo thay đổi Vốn điều lệ Công ty tại ngày 31/01/2015 của Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

(\*\*): Theo Điều 3 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2015/ACM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/3/2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường thì Công ty tiến hành chi trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 5% cho các cổ đông theo số vốn đã thực góp tại ngày 31/12/2014.

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Vốn góp của các cổ đông	510.000.000.000	120.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 31/12/2015</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	390.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0
+ Vốn góp cuối kỳ	510.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	6.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17- Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**d- Cổ phiếu**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

**1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Doanh thu thành phẩm	276.468.040.028	86.118.427.480
<b>Cộng</b>	<b>276.468.040.028</b>	<b>86.118.427.480</b>

**2- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Doanh thu thành phẩm	276.468.040.028	86.118.427.480
<b>Cộng</b>	<b>276.468.040.028</b>	<b>86.118.427.480</b>

**3- Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Giá vốn thành phẩm	215.230.248.193	60.570.353.615
<b>Cộng</b>	<b>215.230.248.193</b>	<b>60.570.353.615</b>

**4- Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.189.568	925.969
<b>Cộng</b>	<b>1.189.568</b>	<b>925.969</b>

**5- Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Lãi tiền vay	9.157.304.026	9.145.163.035
<b>Cộng</b>	<b>9.157.304.026</b>	<b>9.145.163.035</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6- Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
<b>a- Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1.532.891.077	1.242.265.383
Chi phí vật liệu quản lý	0	2.050.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	365.365.585	42.626.427
Thuế, phí, lệ phí	108.915.587	27.784.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	0	1.195.324
Chi phí bằng tiền khác	1.298.671.544	3.057.082.382
<b>Cộng</b>	<b>3.305.843.793</b>	<b>4.373.004.510</b>
<b>b- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	1.976.679.688	0
<b>Cộng</b>	<b>1.976.679.688</b>	<b>0</b>
<b>c- Chi phí quản lý doanh nghiệp (a-b)</b>	<b>1.329.164.105</b>	<b>4.373.004.510</b>

**7- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm 2015</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.747.964.519</b>
Điều chỉnh lãi nội bộ do Văn phòng bán hàng cho CN Bắc Giang	173.338.283
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</b>	<b>1.157.383.509</b>
- Chi phí phạt hành chính về Bảo vệ môi trường, Thuế	779.361.029
- Chi phí dự phòng không được trừ	364.000.000
- Chi phí không được trừ khác	14.022.480
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>47.078.686.311</b>
- Lợi nhuận tương ứng với thu nhập chịu thuế	
+ Chi nhánh Công ty tại Bắc Giang	(1.348.329.802)
+ Chi nhánh mỏ than Đồng Tân	(332.143.326)
- Lợi nhuận tương ứng với thu nhập miễn thuế	
+ Văn phòng Công ty	48.759.159.439
<b>Thuế TNDN tương ứng với thu nhập miễn thuế (Thuế suất 22%)</b>	<b>10.727.015.077</b>
<b>Thuế TNDN được miễn</b>	<b>(10.727.015.077)</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>0</b>

**8- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.590.987.793	28.533.671.676
Chi phí nhân công	7.929.537.897	4.455.826.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.121.665.608	6.330.897.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.640.093.520	16.064.376.617
Chi phí khác bằng tiền	902.677.899	39.920.646
<b>Cộng</b>	<b>246.184.962.717</b>	<b>55.424.693.434</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
LN kế toán sau thuế TNDN	45.747.964.519	11.836.527.103
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.747.964.519	11.836.527.103
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48.149.670	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>950,12</b>	<b>986,40</b>

**10- Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2015</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.747.964.519
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>45.747.964.519</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48.149.670
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>48.149.670</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>950,12</b>

**11- Công cụ tài chính**

**Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015</b>		
Đồng	+100	(809.743.732)
Đồng	-100	809.743.732
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014</b>		
Đồng	+100	(833.943.326)
Đồng	-100	833.943.326

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11- Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	36.356.798.533	47.634.153.463	83.990.951.996
Phải trả người bán	6.961.488.204	0	6.961.488.204
<b>Cộng</b>	<b>43.318.286.737</b>	<b>47.634.153.463</b>	<b>90.952.440.200</b>
Tại ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	52.098.152.063	34.522.168.399	86.620.320.462
Phải trả người bán	2.586.706.685	0	2.586.706.685
<b>Cộng</b>	<b>54.684.858.748</b>	<b>34.522.168.399</b>	<b>89.207.027.147</b>

Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

**12- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty :

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

	Giá trị ghi sổ (đ)				Giá trị hợp lý (đ)	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.016.578.792	0	3.225.987.873	0	3.016.578.792	3.225.987.873
Phải thu khách hàng	103.630.867.050	0	73.621.343.130	0	103.630.867.050	73.621.343.130
Phải thu khác	5.964.835.000	0	0	0	5.964.835.000	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.612.280.842</b>	<b>0</b>	<b>76.847.331.003</b>	<b>0</b>	<b>112.612.280.842</b>	<b>76.847.331.003</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	83.990.951.996	0	86.620.320.462	0	83.990.951.996	86.620.320.462
Phải trả người bán	6.961.488.204	0	2.586.706.685	0	6.961.488.204	2.586.706.685
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.952.440.200</b>	<b>0</b>	<b>89.207.027.147</b>	<b>0</b>	<b>90.952.440.200</b>	<b>89.207.027.147</b>

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và 31/12/2014. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Đơn vị tính: đồng***Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<b>Năm 2015</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<u>9.913.808.467</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>9.913.808.467</u></b>

**Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường**

	<b>Năm 2015</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>12.543.176.933</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>12.543.176.933</u></b>

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 mà chưa được trình bày trong báo cáo này.

**2- Giao dịch với bên liên quan****Thông tin chung về các bên liên quan*****Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường***

Trụ sở chính: 136F Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Trong kỳ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cho thuê xe trọng tải 06 - 07 tấn và bán máy móc, thiết bị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết của Á Cường tại Tam Cường là 25%.

***Ông Phạm Văn Tiến***

Ông Phạm Văn Tiến là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường; đồng thời Ông Tiến có nắm giữ cổ phần và là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Giao dịch với bên liên quan (tiếp theo)**

**Ông Nguyễn Xuân Thanh**

Ông Nguyễn Xuân Thanh là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường; đồng thời ông Thanh có nắm giữ cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	Công ty liên kết	Thanh toán tiền hàng	5.788.049.931	0	5.788.049.931	0
		Mua nguyên, vật liệu, công cụ	586.218.855	2.724.288.600	2.799.007.455	511.500.000
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tạm ứng	0	5.000.000.000	1.248.179.042	3.751.820.958
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	23.200.000.000	682.000.000	23.882.000.000	0
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc		Lương	0	462.122.770	424.791.117	37.331.654

**3- Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là khai thác, chế biến quặng đồng, than, đồng thời Công ty và 02 chi nhánh đều có trụ sở tại tỉnh Bắc Giang nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**4- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2015 trên Bảng Cân đối kế toán và năm 2014 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO có phân loại lại chi tiết như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4- Thông tin so sánh (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Giá trị phân loại cột thông tin so sánh (01/01/2015)		
	Sau khi phân loại (1)	Trước khi phân loại (2)	Chênh lệch (1) - (2)
<b>Nguyên giá</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.538.378.636	9.927.175.000	611.203.636
- Máy móc, thiết bị	60.639.082.796	61.250.286.432	(611.203.636)
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	827.345.990	661.811.666	165.534.324
- Máy móc, thiết bị	6.916.503.909	7.082.038.233	(165.534.324)
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	9.711.032.646	9.265.363.334	445.669.312
- Máy móc, thiết bị	53.722.578.887	54.168.248.199	(445.669.312)

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

**Trên Bảng cân đối kế toán**

Số đã báo cáo tại ngày 01/01/2015			Số trình bày lại tại ngày 01/01/2015		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tài sản ngắn hạn khác	158	23.200.000.000	Phải thu ngắn hạn khác	136	23.200.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	39.811.271	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	498.333
			Chi phí trả trước dài hạn	261	39.312.938
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7.166.734.696	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(4.669.792.407)
			Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	11.836.527.103

**5- Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

**6- Chi phí tiềm tàng**

Theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, Công ty sẽ phát sinh các chi phí để thực hiện các biện pháp, công việc hoàn nguyên môi trường. Công ty đang đánh giá vấn đề này và sẽ ghi nhận chi phí ở thời điểm phát sinh.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Đinh Thị Ngọc San

Vũ Thị Thu Hiền

Phạm Thị Thúy Hạnh